

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành Quy chế công bố thông tin  
Tổng công ty công ty Dược Việt Nam – CTCP

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;
- Căn cứ Nghị quyết số 083 /2023/NQ/TCTD - HĐQT ngày 03 /10/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP v/v thông qua Quy chế công bố thông tin Tổng công ty công ty Dược Việt Nam – CTCP,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin Tổng công ty công ty Dược Việt Nam – CTCP.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, các Ông (Bà): Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Trưởng các phòng: Tổ chức Hành chính, Tài chính Kế toán, Kế hoạch Đầu tư, Kinh doanh Xuất nhập khẩu, Khoa học Công nghệ, Giám đốc các Trung tâm trực thuộc, Trưởng Văn phòng đại diện Tổng công ty tại TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký TCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Đinh Xuân Hân

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 054/QĐ - TCTD ngày 08 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP)*

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quyết định 21/QĐ – SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin Tổng công ty dành cho Tổng công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP,

**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế công bố thông tin (“**Quy chế**”) này quy định về việc công bố thông tin của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng/Trung tâm, cá nhân thuộc Tổng công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Người công bố thông tin

b) Các Phòng/Trung tâm liên quan gồm: Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức Hành chính, Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.
- d) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.
- e) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.
- f) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty.

**Điều 2. Các chữ viết tắt**

TCT	: Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IDS	: Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
SGDCK/HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
CIMS	: Hệ thống quản lý thông tin TCT của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/TCT lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
TTCKVN	: Thị trường Chứng khoán Việt Nam
CBTT	: Công bố thông tin
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc
KTT	: Kế toán trưởng
BCTC	: Báo cáo tài chính
CĐL	: Cổ đông lớn
CPQ	: Cổ phiếu quỹ
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CTĐC	: Công ty đại chúng
NNB	: Người nội bộ
NCLQ	: Người có liên quan

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

#### **1. Người nội bộ của TCT là:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, Trưởng bộ phận và thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ;

- Thư ký TCT, Người phụ trách quản trị TCT, người được ủy quyền công bố thông tin (nếu có).

**2. Ngày công bố thông tin** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.

**3. Ngày báo cáo** là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDC HN hoặc ngày UBCKNN, SGDC HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

**4. Người thực hiện công bố thông tin** là Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền công bố thông tin.

**5. Người có liên quan<sup>1</sup>** là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định tại Điều 4 Khoản 23 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

**6. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin công bố. Trường hợp có sự

<sup>1</sup> Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCCKHN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Chứng minh quân nhân/Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

5. Trường hợp công bố thông tin bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCCKHN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCCKHN thực hiện công khai thông tin theo quy định.

6. Việc CBTT của TCT phải do Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

7. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng: Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: Trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác,... liên quan đến nội dung CBTT của TCT phải là thông tin đã được Tổng giám đốc phê duyệt.

8. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký CTĐC phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của TCT tối thiểu là 05 năm;

- Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của TCT tối thiểu là 05 năm.

#### **Điều 5. Tài liệu công bố thông tin**

1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:

a) Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.

b) Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;

- Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

Các đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố dưới dạng văn bản, dữ liệu điện tử đến UBCKNN, SGDCCKHN đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:

a) Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);

b) Trường hợp UBCKNN và/hoặc SGDCCKHN có quy định khác về định dạng thông tin công bố thì thực hiện theo quy định đó.

#### **Điều 6. Ngôn ngữ công bố thông tin**

1. Ngôn ngữ CBTT: Tiếng Việt.

2. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thông nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.

#### **Điều 7. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền CBTT (sau đây gọi chung là “Người CBTT”) chịu trách nhiệm CBTT theo quy định.

2. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà Tổng giám đốc và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.

3. TCT phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về Người CBTT cho UBCKNN và SGDCCKHN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT thực hiện theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT - BTC.

#### **Điều 8. Phương tiện công bố thông tin**

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	TCT	Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của TCT <sup>(*)</sup>
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật	Trang thông tin điện tử của VSD
5	trong một số trường hợp	Báo in, Báo điện tử, v.v...

(\*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, TCT vẫn

thực hiện công bố thông tin trên website của TCT chuyên mục về Quan hệ cổ đông vào ngày nghỉ, ngày lễ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ website của TCT phải báo cáo UBCKNN, SGDCKHN trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc thay đổi này.

- Website của TCT phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên website của TCT.

### Điều 9. Chế độ báo cáo, công bố thông tin và tạm hoãn công bố thông tin

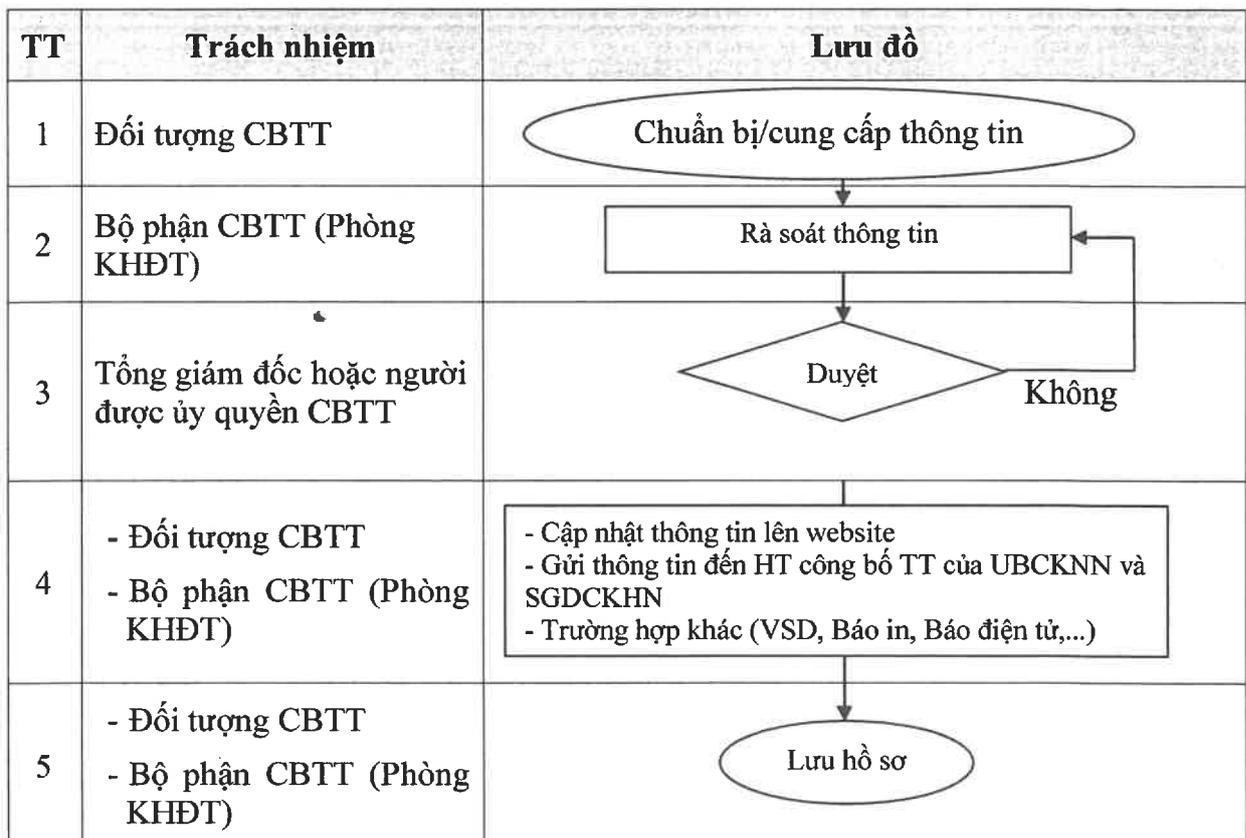
1. TCT thực hiện chế độ báo cáo và CBTT theo quy định tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 đính kèm Quy chế này.

2. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCKHN về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 10. Quy trình thực hiện

#### 1. Lưu đồ thực hiện



#### 2. Diễn giải lưu đồ

##### 2.1. Chuẩn bị/cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, đối tượng CBTT có trách nhiệm chuẩn bị thông tin công bố, gửi thông tin công bố đến Bộ phận CBTT.

- Trách nhiệm chuẩn bị thông tin công bố thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quy chế này.

## **2.2. Rà soát thông tin**

- Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Bộ phận CBTT (Phòng KHĐT) có trách nhiệm:

- Kiểm tra thông tin;

- Đối chiếu với các quy định về CBTT;

- Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật trình Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền CBTT.

## **2.3. Trình Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền CBTT phê duyệt**

- Bộ phận CBTT (Phòng KHĐT) trình Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền CBTT xem xét, phê duyệt nội dung CBTT;

## **2.4. Thực hiện CBTT**

- Ngay sau khi nội dung thông tin đã được phê duyệt, Bộ phận CBTT (Phòng KHĐT) thực hiện đăng tải nội dung CBTT trên website của TCT và hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK và/hoặc VSD theo quy định.

- Bộ phận CBTT (Phòng KHĐT) chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: Tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT.

- Các bộ phận cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra, rà soát và thông báo ngay cho bộ phận CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

## **2.5. Lưu hồ sơ**

- Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được lưu trữ tại TCT theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của cơ quan Nhà nước và/hoặc các nhà đầu tư.

- Thời gian lưu trữ thông tin thực hiện theo Khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

## **Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện CBTT và các phòng ban liên quan**

1. Người thực hiện CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của TCT với UBCKNN, SGDCKHN, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Người thực hiện CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người thực hiện CBTT.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố

theo quy định, các phòng ban chức năng có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 18 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người thực hiện CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

#### **Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho TCT liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Phù hợp quy định của pháp luật, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể của TCT, Tổng giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc sẽ báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

#### **Điều 13. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.

#### **Điều 14. Điều khoản thực hiện**

1. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản quy định trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Tổng công ty, hoặc khi có thay đổi quy định pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.



**Đình Xuân Hấn**

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**CHI TIẾT CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**

STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Báo cáo tài chính</b>			
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán ("BCTC": bao gồm BCTC tổng hợp và hợp nhất)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phòng TCKT	Phải CBTT đồng thời kèm giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:  a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;  b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;  c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
2	BCTC bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.		
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.  Hoặc  - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.		
<b>II</b>	<b>Báo cáo thường niên</b>			
4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán	Phòng KHĐT	Báo cáo thường niên lập theo mẫu quy định tại



STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
		nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.		Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT - BTC
<b>III</b>	<b>Đại hội đồng cổ đông</b>			
<b>5</b>	<b>ĐHĐCĐ thường niên</b>			
5.1	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	
5.2	CBTT thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	Các phòng chức năng theo phân công chuẩn bị, hoàn thiện dự thảo các tài liệu đại hội trình Tổng giám đốc trình HĐQT
5.3	CBTT Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên kèm theo các tài liệu được thông qua tại đại hội	Trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ thông qua	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, TCT phải CBTT về việc hủy niêm yết theo tỷ lệ cổ đông không phải là cổ đông lớn
<b>6</b>	<b>ĐHĐCĐ bất thường</b>			
		Thời gian CBTT thực hiện như với ĐHĐCĐ thường niên	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	Các phòng chức năng theo phân công chuẩn bị, hoàn thiện dự thảo các tài liệu đại hội trình Tổng giám đốc trình HĐQT
<b>7</b>	<b>Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>			
7.1	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết kèm theo	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến, phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải gửi đến tất cả các cổ	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	Các phòng chức năng theo phân công chuẩn bị, hoàn thiện dự thảo các tài liệu đại hội trình

STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
		đồng có quyền biểu quyết		Tổng giám đốc trình HĐQT
7.2	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng, CBTT Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết ĐHĐCĐ kèm theo các tài liệu được thông qua	Thực hiện như nêu tại mục 5.1 và 5.3 nói trên	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	
<b>IV</b>	<b>Báo cáo tình hình quản trị công ty</b>			
8	Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT - BTC
9	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch		
10	Dữ liệu điện tử danh sách người nội bộ và người liên quan của người nội bộ; Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty		Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	Theo mẫu số 02 và 02 ban hành kèm theo Văn bản 1130/SGDHN-QLNY ngày 05/6/2023
<b>V</b>	<b>Công bố thông tin bất thường</b>			
1	Tài khoản của TCT tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi TCT có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCHC	

STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	động			
3	Quyết định mua lại cổ phiếu của TCT hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
4	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
5	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên TCT, con dấu của TCT; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của TCT	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	
6	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	
7	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	

STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	kết			
8	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa TCT với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của TCT	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	
9	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Trường hợp TCT phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm TCT báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.</li> <li>✓ Trường hợp TCT mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm TCT báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.</li> <li>✓ Trường hợp TCT mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của TCT hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, TCT công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.</li> </ul>	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT Phòng TCKT	
10	TCT thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (TCT cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ TCT). Đồng thời, TCT gửi cho UBCKNN, SGDCCKHN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT - BTC	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị, Thư ký TCT	

STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
11	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của TCT căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
12	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với TCT, người nội bộ của TCT; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của TCT	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCHC	
13	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của TCT; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCHC	
14	TCT nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCHC	
15	Trường hợp TCT nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của TCT, TCT phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
16	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của TCT	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
17	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
19	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của TCT tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	

STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	được soát xét			
20	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng KHĐT	
<b>VI</b>	<b>Công bố thông tin theo yêu cầu</b>			
21	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCKHN	Phòng KHĐT	Nội dung thông tin công bố phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCCK yêu cầu công bố, nguyên nhân và đánh giá của TCT về tính xác thực hiện của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)
22	Có thông tin liên quan đến TCT ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó			
<b>VII</b>	<b>Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu</b>			
23	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, ngoại trừ CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ	Phòng KHĐT	
<b>VIII</b>	<b>Công bố thông tin về các hoạt động khác</b>			
24	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Phòng KHĐT	
25	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Phòng KHĐT	
26	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ	Phòng KHĐT	

STT	Nội dung công việc	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ Trường hợp sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì TCT phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán mua lại cổ phiếu	Phòng TCKT	
27	TCT khi bắt đầu hoặc không còn là cổ đông lớn của CTĐC	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu hoặc không còn là cổ đông lớn	Phòng KHĐT Phòng TCKT	
28	TCT có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của CTĐC	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Phòng KHĐT Phòng TCKT	
29	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/7 và ngày 30/1 năm tiếp theo	Phòng KHĐT	
30	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố	Thực hiện theo thời hạn quy định tại mục 1, 2 và 3 Mục I. Báo cáo tài chính	Phòng TCKT	
31	Công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới sau khi thay đổi kỳ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Phòng TCKT	

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT		Ghi chú
		Đối tượng CBTT	TCT sau khi tiếp nhận thông tin công bố	
<b>I</b>	<b>CBTT LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TCT</b>			
1	Tổ chức, cá nhân khi bắt đầu hoặc không còn là cổ đông lớn của TCT; Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCT	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu hoặc không còn là cổ đông lớn	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu của các đối tượng CBTT	
2	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCT khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi		
<b>II</b>	<b>CBTT LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ</b>			
1	Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.</li> </ul>	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của các đối tượng CBTT	Theo mẫu kèm theo Thông tư 96/2020/TT - BTC

